

DỰ KIẾN PHÂN BỐ NHU CẦU GẠO CHO HỌC SINH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 66/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ HỌC KÌ I (ĐỢT 2)

NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Báo cáo số 190/BC-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

Số TT	Tên địa phương	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ				Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo)	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ (1000kg) (9)=(3)x(7)x(8)	Trong đó			Ghi chú
		Tổng số 3=4+5+6	Học sinh Tiểu học và THCS tại các trường PTDT bán trú, nội trú	Học sinh TH và THCS thuộc đối tượng bán trú ở khu vực điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn học ở trường khu vực III hoặc khu vực II	Học sinh THPT				Số gạo tồn kho năm học 2024-2025 đề nghị khấu trừ (1000kg)	Tổng số gạo đã hỗ trợ đợt 1 của Học kì I năm học 2025-2026 (theo QĐ 99/QĐ/UBND ngày 25/9/2025 của CT UBND tỉnh) (1000kg) (11)=(9)-(10)	Tổng số gạo đề nghị hỗ trợ đợt 2 của Học kì I năm học 2025-2026 (1000kg) (12)=(9)-(10)-(11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3x7x8	10	11	12	13
Phần I	UBND CẤP XÃ											
1	XÃ SƠN TÂY THƯỢNG	866	866	-	-	15	5	66,090	-	26,265	39,825	-
I	CẤP TIỂU HỌC									-	-	
1	Trường PTDTBT TH&THCS Đình Thanh Kháng	176	176			15	5	13,200		3,300	9,900	
2	Trường PTDTBT TH&THCS Đình Thanh Kháng	38	38			15	6	3,420		2,250	1,170	HSBTDTS vào lớp 1 học TCTV
3	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Bua	107	107			15	5	8,025		2,940	5,085	
4	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Bua	30	30			15	6	2,700		2,205	0,495	HSBTDTS vào lớp 1 học TCTV
5	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Liên	110	110			15	5	8,250		2,820	5,430	
6	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Liên	8	8			15	6	0,720		0,810	(0,090)	HSBTDTS vào lớp 1 học TCTV
II	CẤP THCS							-			-	
1	Trường PTDTBT TH&THCS Đình Thanh Kháng	164	164			15	5	12,300		4,530	7,770	
2	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Bua	143	143			15	5	10,725		4,410	6,315	
3	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Liên	90	90			15	5	6,750		3,000	3,750	

Ghi chú: Học sinh dân tộc thiểu số (lớp 1) có học tăng cường tiếng việt trước khi vào lớp 1 nhận 6 tháng ở học kì I, các học sinh còn lại nhận 5 tháng ở học kì I